



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
Địa chỉ: Lầu 3, 63-65 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: 08. 6258 3306 - Fax: 08. 6258 3315
Website: www.aas.com.vn - Email: info@aas.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2014

Số: 02/BC - AAS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn	100		32,266,953,277	34,021,377,593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3,156,915,849	1,562,754,265
1. Tiền	111		3,156,915,849	1,562,754,265
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8,506,124,112	15,765,313,582
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9,094,000,000	16,094,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(587,875,888)	(328,686,418)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	20,575,181,016	16,655,871,746
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		7,337,877,456	790,175,060
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		290,731,392	1,760,160,822
4. Các khoản phải thu khác	138		13,500,247,220	14,629,271,004
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(553,675,052)	(523,735,140)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28,732,300	37,438,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		28,732,300	37,438,000
B. Tài sản dài hạn	200		1,473,703,675	1,261,075,901
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,044,063,365	757,658,413
1. TSCĐ hữu hình	221	8	9,063,365	22,658,413
- Nguyên giá	222		1,406,359,630	1,406,359,630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,397,296,265)	(1,383,701,217)
2. TSCĐ vô hình	227	9	1,035,000,000	735,000,000
- Nguyên giá	228		2,201,162,400	1,571,162,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,166,162,400)	(836,162,400)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		429,640,310	503,417,488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11,049,026	81,826,204
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		371,176,284	371,176,284
3. Tài sản dài hạn khác	268	10	47,415,000	50,415,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33,740,656,952	35,282,453,494

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả	300		10,315,123,513	8,330,937,578
I. Nợ ngắn hạn	310		10,315,123,513	8,330,937,578
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	3,030,000,000	100,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		90,000,000	180,000,000
3. Người mua trả tiền trước	313		20,000,000	20,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	21,596,626	18,862,829
5. Phải trả công nhân viên	315		92,276,389	57,000,000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	2,303,673,331	1,582,188,416
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	4,757,577,167	6,372,886,333
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		23,425,533,439	26,951,515,916
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	23,425,533,439	26,951,515,916
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35,000,000,000	35,000,000,000
2. Lỗ lũy kế	420		(11,574,466,561)	(8,048,484,084)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33,740,656,952	35,282,453,494
	Mã số		-	-
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		57,026,050,000	70,000,260,000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		57,026,050,000	70,000,260,000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		57,026,050,000	70,000,260,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		3,360,000,000	3,360,000,000
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-


HUỖNH CHÍ TÂM
 Kế toán trưởng
 Ngày 16 tháng 01 năm 2015


NGUYỄN THÀNH CHUNG
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Quý 4 năm 2014	Quý 4 năm 2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (năm trước)
1. Doanh thu	01		3,428,437,103	383,313,756	6,137,622,730	1,263,072,544
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3,378,814,717	126,599,589	5,843,854,282	452,903,424
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5			-	10,000,000	68,181,818
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		5,882,233	2,481,659	26,817,875	2,481,659
- Doanh thu khác	01.9		43,740,153	254,232,508	256,950,573	739,505,643
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		3,428,437,103	383,313,756	6,137,622,730	1,263,072,544
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11		2,644,941,098	230,585,798	5,699,508,263	903,003,287
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		783,496,005	152,727,958	438,114,467	360,069,257
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	(425,167,000)	715,595,481	2,794,191,274	3,230,095,320
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,208,663,005	(562,867,523)	(2,356,076,807)	(2,870,026,063)
8. Thu nhập khác	31			37,655,163		37,655,163
9. Chi phí khác	32		1,166,905,670	10,909,091	1,169,905,670	49,894,091
10. Lợi nhuận khác	40		(1,166,905,670)	26,746,072	(1,169,905,670)	(12,238,928)
11. Lợi nhuận từ công ty liên kết						-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41,757,335	(536,121,451)	(3,525,982,477)	(2,882,264,991)
13. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51					-
14. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52					-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41,757,335	(536,121,451)	(3,525,982,477)	(2,882,264,991)


HUỶNH CHÍ TÂM
 Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 01 năm 2015




NGUYỄN THÀNH CHUNG

Tổng Giám đốc

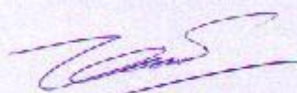
Các thuyết minh kèm theo từ trang 05 đến trang 13 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 (năm trước)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(3,525,982,477)	(2,882,264,991)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	343,595,048	247,632,298
Các khoản dự phòng	03	289,129,382	253,664,104
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2,893,258,047)	(2,380,968,589)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3,937,543,482)	11,259,196,273
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(945,814,065)	889,672,168
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	70,777,178	14,813,986
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7,705,838,416)	9,782,713,838
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(630,000,000)	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,734,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7,000,000,000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6,370,000,000	(9,734,000,000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5,310,000,000	100,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,380,000,000)	(750,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2,930,000,000	(650,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,562,754,265	2,164,040,427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	1,596,215,849	1,562,754,265



HUYNH CHÍ TÂM

Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 01 năm 2015



NGUYỄN THÀNH CHUNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định thành lập Số 75/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/12/2007 và Quyết định thành lập điều chỉnh số 162/UBCK-GP ngày 10/11/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 109/GPĐC-UBCK ngày 31/08/2012.

Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch tiếng Anh là A Au Securities Company.
Trụ sở chính đặt tại tầng 3, tòa nhà số 63 – 65 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định thành lập, ngành nghề kinh doanh của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với các khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với các khoản lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 09 năm 2014.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán vốn của công ty chưa đăng kí giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá trị vốn góp đầu tư so với giá trị tài sản thuần của Công ty tại tổ chức kinh tế được xác định tại ngày lập báo cáo tài chính này.



Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	03
Thiết bị quản lý	03
Tài sản khác	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 05 năm.

Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 26% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

4. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	961	4,773,961
Tiền gửi ngân hàng	48,287,897	9,985,493
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	3,090,500,529	964,375,062
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	18,126,462	583,619,749
Cộng	3,156,915,849	1,562,754,265

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (đồng)
a) Của Công ty Chứng khoán	-	-
b) Của nhà đầu tư	14,116,210	148,413,851,000
- Cổ phiếu	14,116,210	148,413,851,000
- Chứng chỉ quỹ	-	-
Tổng cộng	14,116,210	148,413,851,000

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng/(giảm) so với giá trị thị trường	Tổng giá trị theo giá trị thị trường
a. Chứng khoán thương mại	-	-	-	-
b. Chứng khoán đầu tư	336,000	3,360,000,000	-	3,360,000,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	336,000	3,360,000,000	-	3,360,000,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn.	-	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn	-	5,734,000,000	(587,875,888)	5,146,124,112
d. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-
Tổng Cộng	336,000	9,094,000,000	(587,875,888)	8,506,124,112

b. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Là cổ phiếu của Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tâm Anh chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được Công ty nắm giữ nhằm mục đích sẵn sàng để bán.

c. Đầu tư góp vốn

Là khoản mua lại một phần vốn góp của ông Trần Đức Lợi vào Công ty TNHH Bất Động Sản Công Minh theo Nghị quyết số 86/2003/HĐQT-AAS ngày 15/11/2013 của Hội đồng Quản trị. Khoản này sẽ được bán lại cho ông Trần Đức Lợi theo quy định của Hợp đồng số 09/2012/HDDT-AAS ngày 20/6/2012 và hợp đồng số 01/2013/HDDT-AAS ngày 29/11/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

7. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
Trả trước cho người bán	7,337,877,456	790,175,060
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	290,731,392	1,760,160,822
Phải thu khác (*)	13,500,247,220	14,629,271,004
Cộng	21,128,856,068	17,179,606,886
Dự phòng phải thu khó đòi	(553,675,052)	(523,735,140)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	20,575,181,016	16,655,871,746

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác:	31/12/2014	01/01/2014
Ông Trần Minh Ngọc (**)	4,380,150,822	4,380,150,822
Bà Hoàng Thị Hương (**)	6,253,396,332	6,253,396,332
Bà Vũ Thị Minh Hiền (**)	190,000,000	150,000,000
Ông Mai Khánh Nghị (**)	190,000,000	150,000,000
Bà Hồ Thị Sơn Hà (**)	-	76,000,000
Phải thu hỗ trợ tiền mua chứng khoán	1,796,293,716	2,981,530,430
Phải thu BHXH, BHYT, và thuế TNCN của nhân viên	283,550,793	231,337,863
Phải thu khác	406,855,557	406,855,557
Cộng	13,500,247,220	14,629,271,004

(**) Các khoản tạm ứng để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp theo theo Nghị quyết số 07/2014/NQ/HĐQT-AAS ngày 22/09/2014 của Hội đồng Quản trị và Quyết định 01/ĐT/QĐ-AAS ngày 26/06/2014 của Tổng Giám đốc. Tính đến ngày lập báo cáo này, việc mua trái phiếu vẫn chưa được hoàn tất, Tổng Giám đốc tin rằng việc này vẫn đang trong quá trình thực hiện.

8. Tài sản cố định hữu hình	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	1,305,920,904	38,584,400	61,854,326	1,406,359,630
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1,305,920,904	38,584,400	61,854,326	1,406,359,630
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	1,283,262,491	38,584,400	61,854,326	1,383,701,217
Khấu hao trong năm	13,595,048	-	-	13,595,048
Tăng trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1,296,857,539	38,584,400	862,772,897	1,397,296,265
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	22,658,413	-	-	22,658,413
Tại ngày 31/12/2014	9,063,365	-	-	9,063,365

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

9. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm giao dịch chứng khoán	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	1.571.162,400	1.571.162,400
Tăng trong năm	630.000,000	630.000,000
Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/12/2014	2.201.162,400	2.201.162,400
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	836.162,400	836.162,400
Khấu hao trong năm	330.000,000	330.000,000
Thanh lý	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1.166.162,400	678.662,400
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	735.000,000	735.000,000
Tại ngày 31/12/2014	1.035.000,000	1.035.000,000
10. Tài sản dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
Đặt cọc thuê văn phòng tại 63-65 Điện Biên Phủ	45.415,000	45.415,000
Đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội	-	3.000,000
Khác	2.000,000	2.000,000
Cộng	47.415,000	50.415,000
11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	* 100.000,000	100.000,000
Vay ngắn hạn Ngân hàng Phương Nam	** 2.930.000,000	
Cộng	3.030.000,000	100.000,000
(*) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định.		
(**) Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Phương Nam theo hợp đồng vay số S114/11/14CK ngày 03/11/2014 và hợp đồng số S116/11/14CK ngày 12/11/2014, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 3%/ năm.		
12. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2014	01/01/2014
Thuế GTGT	6.818,182	6.818,182
Thuế thu nhập cá nhân	14.778.444	12.044,647
Cộng	21.596,626	18.862,829

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả khác	31/12/2014	01/01/2014
BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	1.022.967.427	851.410.657
Các khoản phải trả khác	1.280.705.904	730.777.759
Cộng	2.303.673.331	1.582.188.416

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư	4.757.577.167	6.372.886.333
Cộng	4.757.577.167	6.372.886.333

15. Vốn chủ sở hữu	Tại ngày 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Vốn chủ sở hữu				
Vốn điều lệ	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(8.048.484.084)	-	(3.525.982.477)	(11.574.466.561)
Cộng	26.951.515.916	-	(3.525.982.477)	23.425.533.439

Chi tiết vốn đầu tư

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 01/01/2014	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ	Số lượng CP
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	34.29%	1.200.160	12.001.600.000	34.29%	1.200.160
Ông Trần Đức Lợi	23.71%	829.840	8.298.400.000	23.71%	829.840
Ông Thái Văn Thấu	2.00%	70.000	700.000.000	2.00%	70.000
Ông Nguyễn Thành Chung	20.00%	700.000	7.000.000.000	20.00%	700.000
Cổ đông khác	20.00%	700.000	7.000.000.000	20.00%	700.000
Cộng	100%	3.500.000	35.000.000.000	100%	3.500.000

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 4 năm 2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4
Chi phí nhân viên	183.326.673	1.215.849.317
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	6.084.700	10.896.152
Khấu hao TSCĐ	87.398.762	343.595.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.357.637	445.454.689
Chi phí thuê văn phòng	140.745.000	564.480.000
Chi phí bằng tiền khác	51.300.597	183.976.156
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.072.380.369)	29.939.912
Cộng	(425.167.000)	2.794.191.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN Á ÂU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

17. Nghiệp vụ và số dư với các Bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Quý 4 năm 2014</i>
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thuê văn phòng	140,745,000

Tại ngày 31/12/2014, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>31/12/2014</i>
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	100,000,000
		Ký quỹ thuê văn phòng	45,415,000
		Phải trả tiền thuê văn phòng, điện nước	198,016,142

18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.



HUỲNH CHÍ TÂM
Kế toán trưởng
Ngày 16 tháng 01 năm 2015



NGUYỄN THÀNH CHUNG
Tổng Giám đốc

